

NIÊN ĐẠI ĐỒI THÔNG (HÀ GIANG): TƯ LIỆU VÀ NHẬN THỨC MỚI

NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG*

Đồi Thông ở tỉnh Hà Giang là một di chỉ khảo cổ học nổi tiếng trong thời đại Đá của Việt Nam. Kể từ khi phát hiện vào năm 1987 và công bố lần đầu tiên năm 1989, cho đến nay đã 35 năm trôi qua, Đồi Thông đã trải qua rất nhiều các đợt khảo sát, nghiên cứu và một lần thám sát để lấy mẫu xác định niên đại tuyệt đối, nhưng vẫn không mang lại kết quả. Trong bối cảnh thiếu vắng niên đại tuyệt đối, nhiều ý kiến về tuổi của Đồi Thông đã được đưa ra, kéo dài từ khoảng cuối Sơ kỳ - đầu Trung kỳ Đá cũ cho đến Sơ kỳ - Trung kỳ Đá mới (6.000 - 11.000 BP). Vậy đâu mới là sự thật? Bài viết không mong đợi trả lời được câu hỏi này, chỉ muốn tổng hợp lại toàn bộ tư liệu về niên đại Đồi Thông, sau đó thảo luận đưa ra nhận thức mới dựa trên các tư liệu mới.

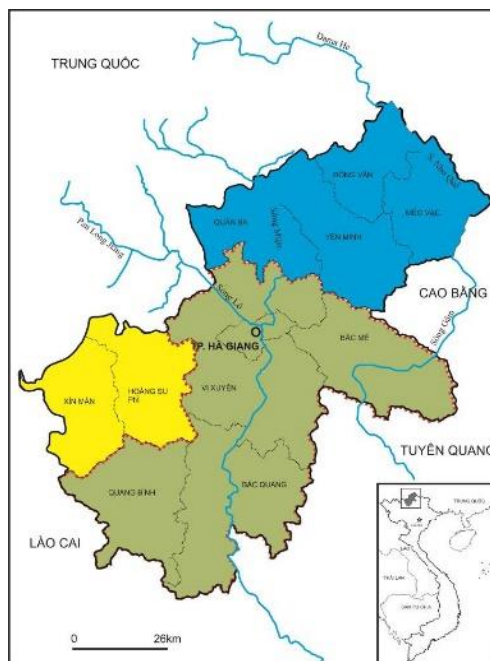
1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Hà Giang là một tỉnh miền núi biên giới cực bắc, thuộc vùng đông bắc của Việt Nam, nơi địa đầu của Tổ quốc. Phía đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía tây giáp tỉnh Lào Cai, phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang, phía bắc giáp tỉnh Vân Nam của Trung Quốc (Hình 1).

Dựa vào các đặc điểm địa chất, địa hình, địa mạo và điều kiện tự nhiên, tỉnh Hà Giang được chia làm 3 vùng với các đặc trưng cơ bản như sau:

- Vùng cao núi đá phía bắc nằm sát chỉ tuyến bắc, có độ dốc khá lớn, thung lũng và sông suối bị chia cắt nhiều, gồm 4 huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Yên Minh, nằm phía bắc tỉnh, chủ yếu là đá vôi, địa hình hiểm trở, thiếu nước trầm trọng, các thung lũng hẹp, nhiều hang động Karst, mạch nước ngầm sâu, có cốt từ 600 - 2418m. Đất phần lớn là sản phẩm của quá trình phong hóa đá vôi, khu vực này bị xói mòn rửa trôi, đất bị khô hạn. Là vùng có khí hậu mát mẻ, thích hợp với nhiều loại cây trồng có nguồn gốc á nhiệt đới đến ôn đới.

- Vùng cao núi đất phía tây thuộc khối núi thượng nguồn sông Chảy, sườn núi dốc, đèo cao, thung lũng và lòng suối hẹp, gồm 2 huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần, bị phân cắt mạnh, khu vực này



Hình 1. Bản đồ tỉnh Hà Giang và các vùng địa lý
(Nguồn: Nguyễn Trường Đông đồ lại từ tập bản đồ hành chính Việt Nam năm 2015)

* Viện Khảo cổ học

là đất cổ nhất miền Bắc Việt Nam trên nền đá Gơ Nai và đá phiến mi ca thái cổ Granit. Đất ở đây phần lớn là đất kết tinh, có độ dốc cao. Sông suối đều ở dạng hẻm, có độ dốc lớn, chảy xiết, do sườn núi quá dốc dẫn đến quá trình xói mòn rửa trôi mạnh, lại không có bồi tụ, nên tầng đất mỏng.

- Vùng thấp gồm vùng đồi, núi và thung lũng sông Lô và sông Gâm, gồm huyện Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Bắc Mê và Thành phố Hà Giang có cốt từ 200 - 600m. Đất đá ở đây do đá biến chất cổ sinh tạo nên, đây là vùng chuyển tiếp giữa núi cao và vùng thấp, chủ yếu là đất đồi, núi phát triển trên nền đá mẹ Gorai, Feralit đỏ vàng. Có nhiều đồi đất thoải, nguồn nước sông, suối dồi dào (Địa chí Hà Giang 2020).

Di chỉ khảo cổ học Đồi Thông có tọa độ $22^{\circ}50'0.60''$ vĩ Bắc, $104^{\circ}59'5.60''$ kinh Đông, cao 105m so với mực nước biển, trên một quả đồi tả ngạn sông Lô, gần ngã ba sông Miện đổ vào sông Lô, thuộc phường Trần Phú, thành phố Hà Giang. Theo phân chia khu vực địa lý, Đồi Thông thuộc khu vực thấp của Hà Giang (Hình 2).



a. Đồi Thông nhìn từ sông Lô (vị trí cạnh nhà xây)



b. Đồi Thông nhìn từ phía sau

Hình 2a-b. Cảnh quan Đồi Thông (Nguồn: Tác giả)

2. Tổng quan tư liệu

Năm 1989, qua 3 năm tìm kiếm sưu tầm trên khu vực rộng của Lò Gạch và Đồi Thông, Trương Việt Thắng cho rằng công cụ ghè đẽo mang những đặc điểm kỹ thuật chế tác giai đoạn trước văn hóa Hòa Bình (Trương Việt Thắng 1990: 33-34).

Tháng 5 - 1989, đoàn công tác Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam đã xuống thực địa tiếp cận với những di vật Đồi Thông, cho rằng những công cụ ghè đẽo về hình dáng và kỹ thuật chế tác được cho là rất giống một số tiêu bản cùng loại trong các sưu tập hiện vật thuộc hậu kỳ đá cũ ở Nậm Tun, Ngườm và những phát hiện lẻ tẻ ở vùng Hà Bắc, Quảng Nam - Đà Nẵng (Quang Dũng và Quang Văn Cậy 1989: 34-36).

Trong năm 1989, hai cán bộ Viện Khảo cổ học cũng đã tiếp xúc và phân loại bộ sưu tập Đồi Thông nhận xét chúng khác với bộ sưu tập Sơn Vi ở Vĩnh Phú. Chúng cũng khác với những công cụ đặc trưng văn hóa Hòa Bình. Trong khi đó, chúng rất giống những công cụ cuội ở một số địa điểm Tây bắc như Nậm Tun, Bản Phố, và một số nhóm trong công cụ cuội Hà Bắc. Các nhà nghiên cứu đề xuất loại hình địa phương miền núi - loại hình Nậm Tun với những sắc thái riêng biệt, là một khâu sớm trong dòng kỹ nghệ cuội Việt Nam (Võ Quý và Bùi Vinh 1990: 36-38).

Năm 1990, trong bài tạp chí của mình, Trương Việt Thắng cũng đưa ra những nhận xét tương tự như của Võ Quý và Bùi Vinh ở trên (Trương Việt Thắng 1990: 27-33).

Tháng 8 - 1990, cán bộ Viện Khảo cổ học cùng với ông Trương Việt Thắng tiến hành khảo sát địa điểm Đồi Thông nhằm làm rõ địa tầng, tính chất và niên đại của di chỉ này. Kết hợp với phân loại di vật, Nguyễn Khắc Sử giả cho rằng công cụ Đồi Thông mang đặc thù riêng của kỹ nghệ cuối ghè thời đại Đá cũ Việt Nam, gợi lại kỹ thuật ghè đẽo kiểu văn hóa Sơn Vi và một số loại hình công cụ giai đoạn sớm của văn hóa này (Nguyễn Khắc Sử và Trương Việt Thắng 1991: 35-38).

Năm 1991, các nhà khảo cổ học tiến hành phân loại 281 di vật đá mới được ông Trương Việt Thắng thu thập từ các hố đào làm gạch ở độ sâu 1-2m dưới tầng phù sa cổ ở phía bắc Đồi Thông, cho rằng di tích Đồi Thông thuộc kỹ nghệ cuối ghè, tiêu biểu cho loại hình sớm của văn hóa Sơn Vi (Nguyễn Khắc Sử, Trình Năng Chung và Trương Việt Thắng 1994: 20-22).

Năm 1993, Nguyễn Khắc Sử và Trương Việt Thắng (1994: 40-43) tổng kết 5 năm phát hiện và nghiên cứu, di tích và di vật Đồi Thông. Các tác giả cho rằng: hình dáng, kỹ thuật, kích thước và chất liệu sưu tập Đồi Thông gần với các sưu tập ở Huyện Phong, tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc) nhất là các địa điểm Long Sơn Cương, Gia Hà, Bát Ngư Sơn, Hầu Nhân Pha, Ba Bảo Tự và Vạn Hồng Lĩnh, mà có niên đại dự đoán thuộc Trung kỳ Đá cũ. Sưu tập Đồi Thông có nét gần gũi với các sưu tập xung quanh thị xã Lào Cai thượng lưu sông Hồng và di tích Bản Phố thượng lưu sông Đà được xếp vào văn hóa Sơn Vi sớm. Từ đó các tác giả cho rằng Đồi Thông có những nét khác với Sơn Vi và thuộc trung kỳ thời đại đá cũ. Cùng với các di tích ở thượng nguồn sông Hồng và thượng nguồn sông Đà, di tích Đồi Thông ở thượng lưu sông Lô là một trong những nguồn hợp tạo nên văn hóa Sơn Vi ở miền trung du Vĩnh Phú và Yên Bái.

Tháng 1 - 1995, Trình Năng Chung, Bùi Vinh, Quán Văn Hoan và Âu Văn Hợp (1995: 58-60) tiến hành điều tra khảo cổ học dọc hai bờ sông Lô thuộc địa phận thị xã Hà Giang, phát hiện mới địa điểm Lò Gạch II, thu lượm được 17 đồ đá ghè đẽo. Các tác giả cho rằng:

* Di vật Đồi Thông có nhiều nét gần gũi với sưu tập đá cũ Bách Sắc ở Quảng Tây (Trung Quốc) mà được cho là có thể thuộc Sơ kỳ Đá cũ, tương đương với người vượn Bắc Kinh. So sánh kỹ thuật và loại hình cho thấy niên đại của các di tích đá cũ Hà Giang có thể tương đương hoặc muộn hơn chút ít so với văn hóa Bách Sắc. Vì vậy, niên đại di tích ở Hà Giang có thể thuộc vào giai đoạn cuối sơ kỳ hoặc đầu trung kỳ đá cũ.

* Các bộ sưu tập đá cũ ở Hà Giang là những chứng cứ đầu tiên về sự tồn tại của một văn hóa đá cũ có niên đại sớm hơn Sơn Vi. Văn hóa này tuy có những mối quan hệ gần gũi với văn hóa Sơ kỳ Đá cũ ở Quảng Tây nhưng cũng có những nét riêng. Các tác giả đề xuất đặt tên cho nền văn hóa này là: Văn hóa Đồi Thông.

Tháng 4 năm 2014 di chỉ Đồi Thông được đào thám sát mục đích để đoàn chuyên gia đại học Wollongong, Úc lấy mẫu phân tích OSL, nhưng không có kết quả. Tuy những người khai quật không có nhận xét nào về niên đại, nhưng điểm lưu ý là phát hiện được chiếc bàn mài ở lớp 3 (sâu 140cm so với bề mặt) và có hiện tượng phổ biến của những mảnh/cục đá quartz, đá phiến ở tất cả các lớp đào trong địa tầng (Nguyễn Trường Đông, Lê Hải Đăng, Phạm Thanh Sơn và Trần Trung Quan 2016: 68-70).

Năm 2023, có ý kiến xếp Đồi Thông vào giai đoạn Sơ kỳ - Trung kỳ Đá mới căn cứ vào việc Đồi Thông và các di tích khác cùng thềm sông sở hữu công cụ chỉ có dấu vết sử dụng (Nguyễn Trường Đông 2023: 3-18).

Tóm lại, cho đến giờ Đồi Thông vẫn chưa có niên đại tuyệt đối, cho nên chỉ có các ý kiến về niên đại tương đối. Có thể tóm lược các ý kiến trên như sau (Bảng 1).

Bảng 1. Tổng hợp địa tầng và niên đại tương đối của Đồi Thông

Stt	Địa tầng	Niên đại tương đối	Tài liệu tham khảo
1		Trước Hòa Bình	Trương Việt Thắng 1990: 33-34.
2		Giống Nậm Tun, Ngườm, Hà Bắc, Quảng Nam - Đà Nẵng	Quang Dũng và Quang Văn Cậy 1989: 34-36.
3		- Khác Sơn Vi ở Vĩnh Phú. - Khác với Hòa Bình. - Giống Nậm Tun, Bản Phố và Hà Bắc. - Đề xuất loại hình Nậm Tun - giai đoạn sớm trong dòng kỹ nghệ cuội Việt Nam.	Võ Quý và Bùi Vinh 1990: 36-38.
4	Quan sát taluy, trật tự từ dưới lên như sau: - Lớp đá phiến phong hóa. - Lớp cuội sông mỏng, dày 20cm, phủ trên lớp đá phiến. - Lớp đất đỏ nâu chứa công cụ ghè đẽo, dày 40cm. - Tầng phù sa cổ, không có di vật.	Gọi lại công cụ kiểu Nậm Tun - Bản Phố. Không thật điển hình cho công cụ Sơn Vi ở Vĩnh Phú, gọi lại kỹ thuật Sơn Vi.	Nguyễn Khắc Sử và Trương Việt Thắng 1990: 35-38.
5		- Lần đầu tìm thấy công cụ gàn bầu dục, gàn rìu ngắn. - Cổ sơ hơn Sơn Vi ở Vĩnh Phú, đồng đại với di tích Lào Cai, Nậm Tun - Bản Phố. - Giai đoạn sớm của văn hóa Sơn Vi, cùng thượng nguồn sông Hồng, sông Đà tạo nên văn hóa Sơn Vi ở trung du.	Nguyễn Khắc Sử, Trình Năng Chung và Trương Việt Thắng 1994: 20-22.
6		- Gần với các sưu tập ở Huyện Phong, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc có niên đại dự đoán thuộc Trung kỳ Đá cũ. - Xếp vào Sơn Vi sớm.	Nguyễn Khắc Sử và Trương Việt Thắng 1994: 40-43.
7		- Gần gũi với Bách Sắc (Quảng Tây, Trung Quốc). - Đồi Thông và Lò Gạch đều có một số công cụ mang kỹ thuật Sumatralith. - Muộn hơn Bách Sắc một chút, thuộc cuối Sơ kỳ, đầu Trung kỳ Đá cũ. - Đề xuất văn hóa Đồi Thông.	Trình Năng Chung, Bùi Vinh, Quản Văn Hoan và Âu Văn Hợp 1995: 58-60.

8	Thăm sát 4m ² . Địa tầng dày 355cm, chia thành 3 lớp: - Lớp mặt từ 0-74cm cấu tạo đất sét mùn, mềm, toi xốp, nhiều rễ cây, chứa mảnh sành sứ, gạch hiện đại. - Lớp sét vàng 75-300cm, trong đó di vật xuất hiện từ 140-265cm, có bàn mài. - Lớp sinh thổ từ 300-355cm, sét vàng, xuất hiện loang lổ laterite cùng một dải đá sỏi nhỏ, bên dưới là lớp sỏi dày 22cm. Dưới cùng là đá nền.	Có hiện tượng công cụ bị rửa trôi từ trên cao xuống thấp ra phía bờ sông. Các mảnh/cục đá phiến gốc và đá quartz xuất hiện ở tất cả các lớp.	Nguyễn Trường Đông, Lê Hải Đăng, Phạm Thanh Sơn và Trần Trung Quan 2016: 68-70.
9		Đồi Thông được xếp vào giai đoạn Sơ kỳ - Trung kỳ Đá mới (6.000 - 11.000 BP)	Nguyễn Trường Đông 2023 (4):3-18

3. Thảo luận

Có thể thấy sự biến đổi nhận thức về tuổi của Đồi Thông trong 35 năm qua, từ giai đoạn cuối Sơ kỳ - đầu Trung kỳ Đá cũ đến Sơ kỳ - Trung kỳ Đá mới (khoảng 6.000 - 11.000 BP). Các tiêu chí sử dụng để đánh giá tuổi của Đồi Thông cũng có sự thay đổi. Cụ thể, ban đầu là loại hình, kỹ thuật và kích thước của di vật, rồi so sánh với các khu vực xung quanh, bao gồm cả khu vực Nam Trung Quốc. Sau đó, tiêu chí mở rộng ra không chỉ có công cụ ghè đẽo, mà còn bao gồm cả công cụ chỉ có dấu vết sử dụng (như bàn mài, chày nghiền...) và bối cảnh với các di tích khác ở thềm sông Hồng và sông Miện.

Trong bài này, ngoài các tiêu chí trên, chúng tôi còn mở rộng hơn nữa, bao gồm kết quả thăm sát Đồi Thông năm 2014, kết quả chỉnh lý bộ sưu tập Đồi Thông lưu giữ trong kho Bảo tàng Hà Giang, kết quả điều tra thềm sông Lô ở huyện Vị Xuyên và Bắc Quang (tỉnh Hà Giang), kết quả điều tra thềm sông Lô ở Tuyên Quang và bối cảnh di tích, niên đại văn hóa Bắc Sơn. Chúng tôi cho rằng Đồi Thông thuộc giai đoạn Trung kỳ Đá mới, khoảng 5.000 năm cách ngày nay. Nội dung dưới đây sẽ lần lượt trình bày các tiêu chí trên như sau:

3.1. Địa tầng và di vật hố thăm sát Đồi Thông

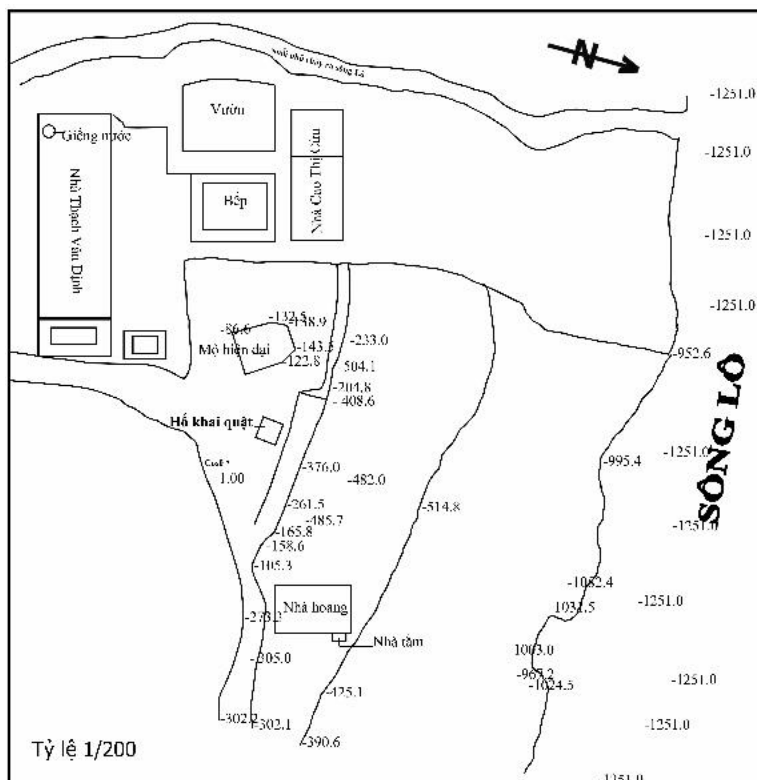
Về địa tầng: Dày khoảng 355cm, với 13 lớp đào, có 3 lớp khác nhau rõ rệt, gồm:

- Lớp mặt: Từ 0 - 74cm cấu tạo đất sét mùn, mềm, toi xốp, nhiều rễ cây, chứa mảnh sành sứ, gạch hiện đại.

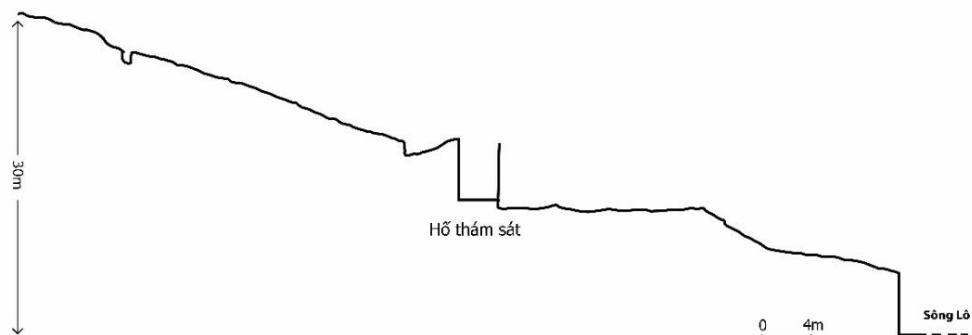
- Lớp sét vàng: Từ 75 - 300cm, trong đó di vật xuất hiện từ 140 - 265cm (tương ứng lớp đào 3 - 9). Chiếc bàn mài tìm thấy ở lớp đào 3.

- Lớp sinh thổ: Từ 300 - 355cm (tương ứng lớp đào 12 và 13), vẫn là sét vàng nhưng ở một vách có một chút loang lổ laterite cùng một dải đá sỏi nhỏ (dài 50cm, dày 4cm), bên dưới là lớp sỏi (cuội dày 22cm), dưới nữa là đá nền.

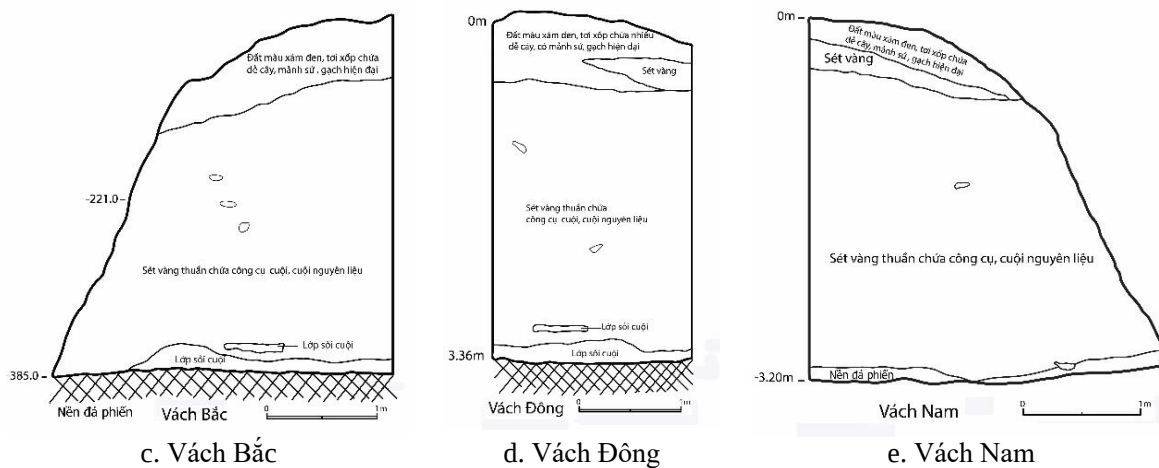
Những người trực tiếp khai quật cho biết địa tầng từ lớp 2 trở xuống không xáo trộn. Có hiện tượng công cụ bị rửa trôi từ trên cao xuống thấp ra phía bờ sông (Nguyễn Trường Đông và cộng sự 2016: 68-70).



a. Vị trí hố thám sát



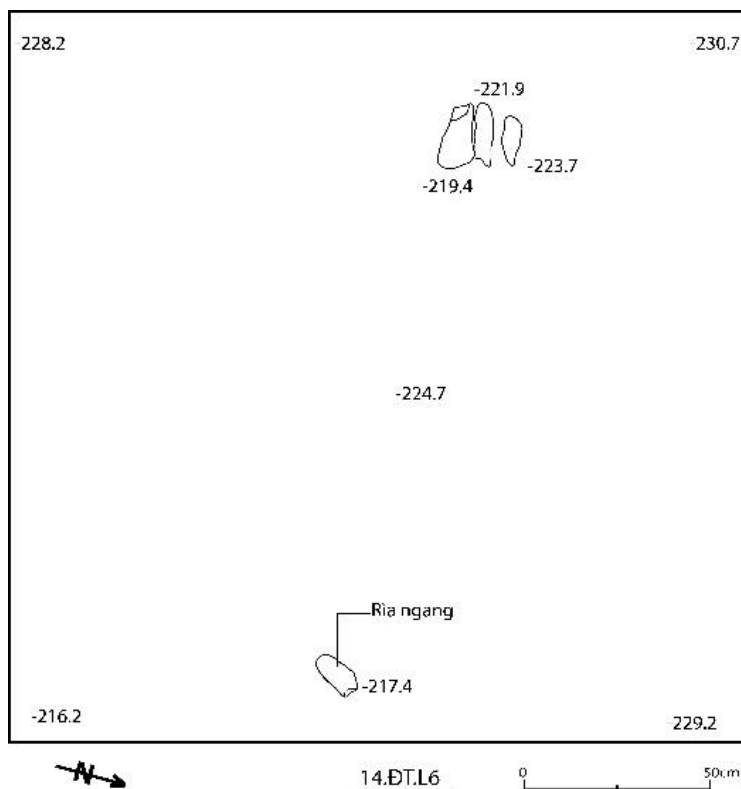
b. Mặt cắt Đồi Thông và vị trí hố thám sát



c. Vách Bắc

d. Vách Đông

e. Vách Nam



g. Mặt bằng lớp đào 6, nơi có ba di vật đá nằm cạnh và song song nhau

Hình 3a-g. Vị trí, mặt cắt và địa tầng Đồi Thông (Nguồn: Phạm Thanh Sơn vẽ)

So sánh với quan sát địa tầng Đồi Thông của Nguyễn Khắc Sử và Trương Việt Thắng (1991: 35-38) cho thấy có sự tương đồng nhau giữa hai lớp dưới cùng (lớp 1 và 2) gồm lớp đá phiến và lớp cuội sông, nhưng lại có sự khác biệt giữa lớp 3 và lớp 4 của địa tầng (Bảng 2). Sự khác biệt đó thể hiện qua địa tầng hố thám sát như sau (Hình 4a-b):

- a. Lớp sét vàng phủ gần như toàn bộ địa tầng (trừ lớp mặt), và không có sự khác biệt về màu sắc.
- b. Lớp văn hóa chứa công cụ và các mảnh/cục đá tự nhiên và lớp vô sinh cũng không có sự khác biệt về cấu tạo và màu sắc.
- c. Không thấy lớp đất đỏ nâu dày 40cm chứa công cụ ghè đẽo nằm bên trên lớp cuội sông như quan sát của Nguyễn Khắc Sử.
- e. Theo Nguyễn Khắc Sử, lớp 4 trên cùng là lớp phù sa, nhưng kết quả thám sát là lớp mặt có màu xám đen, toi xốp, khác hoàn toàn.

Có thể vị trí quan sát của Nguyễn Khắc Sử khác so với hố đào. Trong khi hố đào nằm lưng chừng đồi thì vị trí quan sát của Nguyễn Khắc Sử có thể lui về phía sông, cho nên mô tả các đặc điểm địa tầng không giống với địa tầng hố thám sát. Càng gần sông thì chân đồi càng chịu ảnh hưởng của nước sông và phù sa sông. Dưới chân đồi có thể vẫn có công cụ ghè đẽo trôi xuống. Điểm chung là cùng nhau nhận ra một lớp đá nền dưới đáy, phủ lên là lớp cuội sông, và trên lớp cuội sông là lớp sỏi đứt quãng.

Bảng 2. So sánh địa tầng Đồi Thông theo trật tự từ dưới lên trên

Lớp	Quan sát taluy ven sông của Nguyễn Khắc Sử	Địa tầng hố thám sát		Nhận xét
1	Lớp đá phiến.	Lớp đá phiến		Tương đồng
2	Lớp cuội sông.	Lớp sét vàng: từ 75 - 355cm	Lớp sinh thổ: 300 - 355cm, sét vàng, gồm: lớp cuội sông, đá sỏi nhỏ, và có chỗ loang lổ laterite.	Tương đồng
3	Lớp đất đỏ nâu (dày 40cm, có vệt đá dăm thạch anh uốn cong, chứa công cụ ghè đẽo).		Lớp văn hóa: 140 - 265cm, chứa di vật đá.	Khác biệt
4	Lớp phù sa trên cùng (dày trung bình 1,5m, mỏng dần ở đỉnh đồi).	Lớp mặt: đất xám đen, toi xốp (dày 74cm).		Khác biệt

Về di vật, kết quả hố thám sát cho biết (Bảng 3 và Hình 4c-d):

- Nhóm di vật hạch cuội: Xuất hiện từ lớp 3 - 9 (sâu từ 140 - 265cm dưới bề mặt). Loại hình gồm các công cụ hình thái Sơn Vi.

- Nhóm mảnh: Xuất hiện từ lớp 2 - 7, gồm mảnh tước, mảnh tác, công cụ cuội bở và công cụ mảnh.

- Nhóm di vật chỉ có dấu vết sử dụng: Gồm 2 bàn mài, xuất hiện ở lớp 1 và lớp 3.

- Nhóm đá tự nhiên: Xuất hiện và duy trì đều đặn từ lớp mặt tới lớp 12, gồm cuội nguyên liệu, hòn sỏi, mảnh/cục đá phiến gốc, mảnh/cục đá quartz/canxit và mảnh/cục đá cát bột kết.

Bảng 3. Thống kê di vật và đá tự nhiên hố thám sát Đồi Thông

Lớp	Nhóm di vật hạch cuội						Nhóm mảnh				Nhóm s.dụng	Nhóm đá tự nhiên					Nhóm di vật hiện đại		Tổng
	Ria ngang	Mũi nhọn	Ria xiên	Hai ria	K. định hình	Hạch đá	Công cụ cuội bở	Công cụ mảnh	Mảnh tước	Mảnh tách	Bàn mài	Cuội nguyên liệu	Hòn sỏi	Mảnh /cục đá phiến gốc	Mảnh/ cục đá quartz/canxit	Mảnh/ cục đá cát bột kết	Mảnh bát	Gạch	
LM											1	4					1	1	7
L1												5			1	1			7
L2									3	2		8		4	5				22
L3						1				1	1	3			1	1			8
L4	4	2										1							7
L5		1			1							6	8	8	22				46
L6	4	3					1	1				6		7	9				31
L7	1		1							1		5		3					11
L8		1										4	2	26	38				71
L9				1															1
L10												1		19	28	1			49
L11												2		5	5				12
L12														10	20				30
L13																			
Tổng	9	7	1	1	1	1	1	1	3	4	2	45	10	82	129	3	1	1	302
	20						9				2	269					2		



a. Vị trí hố thám sát ở taluy sườn đồi
(đã được chủ nhà san gạt để trồng hoa)



b. Địa tầng Đồi Thông



c. Bàn mài thu được trong địa tầng hố thám sát (chụp từ hai mặt)



d. Công cụ đá ghè đẽo



e. Mảnh/cục đá tự nhiên

Hình 4a-e. Di vật đá thu được trong hố thám sát Đồi Thông (Nguồn: Nguyễn Trường Đông)

Quá trình khai quật và chỉnh lý đã giúp rút ra nhận thức mới so với trước kia, đó là: địa tầng Đồi Thông là địa tầng tái trầm tích. Điều này thể hiện ở một số hiện tượng sau:

+ Ở lớp 6, có 3 di vật hạch cuội nằm cạnh nhau, song song nhau, phản ánh hiện tượng các công cụ này có thể bị lẫn trôi và dồn về cùng một chỗ.

+ Việc các mảnh/cục đá tự nhiên xuất hiện và duy trì đều đặn từ lớp mặt đến lớp 12, phản ánh hiện tượng rửa trôi của đất đồi diễn ra liên tục. Các mảnh đá tự nhiên này được cho là vốn có trong các khối đá gốc ở Đồi Thông.

+ Các hòn cuội nguyên liệu vốn là cuội sông, được cho là do người xưa nhặt về di chỉ, và cũng chịu tác động của hiện tượng rửa trôi, có mặt đều đặn và liên tục gần như ở tất cả các lớp đào. Chúng hoàn toàn không phải do nước sông mang lên.

+ Việc không có bất cứ dấu vết nào của con người sinh sống tại vị trí hố đào như hố đất đen, than tro, tàn tích động thực vật... là một tín hiệu cho biết về hiện tượng tái trầm tích của địa tầng.

+ Chiếc bàn mài tìm thấy ở lớp 3, tuy không nằm trọn vẹn trong phạm vi hố đào (chỉ nằm ngoài một chút ở vách nam), nhưng vẫn nằm trong tầng sét vàng, phản ánh nó cũng chịu tác động của sự rửa trôi, tái trầm tích từ trên cao xuống.

+ Hiện tượng công cụ đá và các mảnh/cục đá tự nhiên nằm xen kẽ nhau cũng cho thấy chúng lẫn xuống rồi lắng đọng lại một cách tự nhiên. Hiện tượng này có thể quan sát thấy ở di chỉ Cán Tỷ (Quản Bạ) (Nguyễn Trường Đông 2014: 47-50; Nguyễn Trường Đông 2016: 3-10), nơi mà công cụ và các mảnh/cục đá vôi đã tái trầm tích cùng nhau ở chân núi, cũng không có vết tích than tro hay tàn tích động thực vật... trong hố khai quật.

+ Cấu tạo địa tầng là sét vàng thuần nhất, không có sự khác biệt về cấu tạo và màu sắc đất giữa lớp trên và lớp dưới, hay giữa lớp chứa công cụ và các lớp còn lại trong tầng sét vàng. Điều này phản ánh hiện tượng rửa trôi, tái trầm tích do tự nhiên tác động, mà không có sự can thiệp của con người.

+ Địa hình đồi dốc cũng là một đặc điểm quan trọng giúp khẳng định hiện tượng rửa trôi và tái trầm tích diễn ra ở Đồi Thông. Điều đó cũng gián tiếp cho biết người xưa chọn sống trên phía đỉnh đồi, chứ không phải lưng chừng đồi.

+ Quan sát địa tầng ven sông Lô ngày nay khu vực xung quanh Đồi Thông cho thấy hai bờ sông đôi chỗ lộ ra các tầng, tầng đá phiến, ngăn không cho hiện tượng sạt lở diễn ra ở đây. Từ đây có thể hiểu rằng Đồi Thông nói riêng và các quả đồi khác có thể được hình thành nhờ vào một số yếu tố cơ bản như lõi đá phiến, khí hậu nóng ẩm, địa hình dốc, quá trình rửa trôi - tái trầm tích và sự bồi tụ của phù sa sông dưới chân đồi.

Trên cơ sở quan sát và phân tích ở trên, bước đầu có thể mô tả quá trình thành tạo địa tầng ở Đồi Thông như sau:

- Xưa kia đồi Thông là quả đồi cao, có lõi là tầng đá phiến sét và không rộng lớn như ngày nay. Việc lung chừng đồi (tương đương với đáy hố đào) có một lớp cuội sông dày khoảng 22cm cho thấy đã từng có một đợt nước sông dâng cao nhất ở khu vực này trong một thời gian tương đối dài. Mức nước sông khi dâng tới lưng chừng Đồi Thông thì có thể nói là cũng làm ngập các quả đồi thấp hơn xung quanh.

- Sau khi nước rút đi, thì đó là quá hình thành loại đất sét có nhiều oxit sắt tích tụ tạo thành hiện tượng laterite loang lổ một chút ở trên lớp cuội sông. Ở thời điểm đó, vẫn xuất hiện một số đợt nước sông dâng ngắn hạn để lại vết tích là dải sỏi nhỏ. Thời kỳ này được cho là có thể trùng với giai đoạn 7.000 - 11.000 năm trước (biển tiến Holocene trung), khi mà tư liệu bào tử phấn hoa và cỏ từ cảm xác nhận rằng đây là thời kỳ khí hậu nóng ẩm và mưa nhiều (Nguyễn Thị Mai Hương 2018: 15; Lưu Thị Phương Lan 2011: 117-120; Lưu Thị Phương Lan và Ellwood, B. B. 2010: 127-132). Vào thời điểm đó, Đồi Thông không giống như ngày nay, mà bắt đầu bước vào quá trình hình thành loại đất sét vàng đỏ Feralit phổ biến ở vùng núi có đá mẹ là phiến sét. Con người hẳn là cũng chưa đặt chân đến đây, bởi điều kiện địa hình chưa cho phép.

- Một thời gian sau đó, nước rút hoàn toàn. Địa tầng xác nhận không có bất cứ một đợt nước dâng nào nữa. Quá trình thành tạo và mở rộng Đồi Thông diễn ra dưới tác động của khí hậu nóng ẩm, sự phong hóa của khối nền đá phiến sét gốc và quá trình rửa trôi, tái trầm tích bởi địa hình đồi dốc.

- Địa tầng ghi nhận hiện tượng rửa trôi và tái trầm tích từ lớp 12 kéo dài liên tục đến lớp mặt của ngày nay. Sự có mặt của các mảnh/cục đá tự nhiên được cho là có sẵn trong các lớp của đá phiến sét gốc đã nói rõ điều đó.

- Phải sau một thời gian tương đối lâu (tương đương với lớp đào từ 10-12, dày khoảng 60cm), khi quả đồi đã tương đối ổn định, lớp vỏ được hình thành, con người mới đến cư trú. Họ để lại các công cụ đá và các hòn cuội nguyên liệu. Các di vật đầu tiên trôi xuống được bắt đầu được ghi nhận ở lớp 9 (độ sâu khoảng 265 - 285cm dưới bề mặt hố đào). Và thời điểm đó được cho là phải diễn ra sau 7.000 năm.

- Các di vật đá của con người cùng với các mảnh/cục đá tự nhiên và đất sét đòi chịu tác động của quá trình rửa trôi, đã tái trầm tích ở dọc sườn đồi cạnh sông Lô. Quá trình đó diễn ra liên tục góp phần quan trọng trong việc mở rộng diện tích của quả đồi. Nhiều công cụ lăn trôi xuống phía chân đồi gần với sông, thậm chí có chiếc cuốc đá còn được thông báo nhặt được dưới lòng sông.

Như vậy, chúng ta đã có nhận thức mới về địa tầng tái trầm tích Đồi Thông qua cuộc đào thám sát.

3.2. Thành phần di vật trong bộ sưu tập Đồi Thông và các bộ sưu tập khác cùng theme sông

Ở phần trên, chúng ta đã ghi nhận 1 chiếc bàn mài trong địa tầng hồ thám sát Đồi Thông. Phần này chúng ta tiếp tục quan sát và ghi nhận các công cụ chỉ có dấu vết sử dụng (như bàn mài, chày nghiền, hòn ghè) có mặt trong bộ sưu tập Đồi Thông lưu giữ trong kho Bảo tàng tỉnh và trong các sưu tập đá của các di khác cùng thêm sông. Cụ thể như sau:

- Đợt chỉnh lý sưu tập Đồi Thông đã xác nhận có 4 công cụ chỉ có dấu vết sử dụng trong tổng số 901 di vật được chỉnh lý, gồm 1 hòn ghè, 2 bàn mài và 1 bàn mài kết hợp chày nghiền (chiếm 0,44%) (Nguyễn Trường Đông 2017: 95-98). Như vậy, có thể khẳng định sưu tập Đồi Thông không chỉ có công cụ ghè đẽo mà còn có cả bàn mài.

- Đợt khảo sát thêm sông Lô ở Vị Xuyên và Bắc Quang tiếp tục khẳng định sự có mặt của các loại di vật chỉ có dấu vết sử dụng (như các kiểu bàn mài, chày nghiền...) trong các địa điểm khảo cổ nơi đây (Nguyễn Trường Đông và Đặng Văn Bắc 2022: 143-145; Nguyễn Trường Đông và Nguyễn Quang Bách 2022: 140-143).

Sự tương đồng giữa sưu tập đá Đồi Thông và các sưu tập đá khác cùng thềm sông thể hiện rõ nét không chỉ ở các loại hình công cụ trong nhóm di vật ghè đẽo, mà còn ở nhóm công cụ chỉ có dấu vết sử dụng. Có thể thấy gần như tất cả các di tích đều sở hữu bàn mài, hoặc các vết mài cong lõm; một số di tích có chày nghiền, hòn nghiền kết hợp bàn mài. Chúng đều chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong sưu tập (Bảng 4).

Mở rộng ra ngoài tỉnh Hà Giang, chúng ta ghi nhận thêm sự tương đồng giữa sưu tập đá ở Hà Giang và Tuyên Quang trên thềm sông Lô, mặc dù chưa tìm thấy bàn mài, nhưng có chày nghiền nơi đây (Nguyễn Trường Đông và Nguyễn Quảng Dũng 2020: 110-112).

Bảng 4. Thống kê di vật các địa điểm thêm sông Lô và sông Miên ở vùng thấp

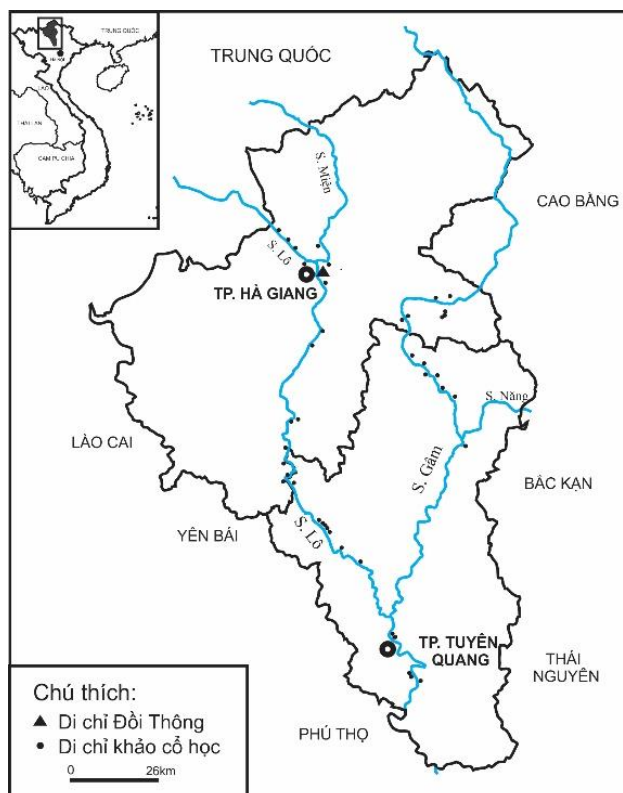
[illegible]

	Hai rìa					1				1				
	Ba rìa					4								
	Không định hình					11	1					1		
	Mũi nhọn & phần tư cuối									1				
Nhóm công cụ hình thái Hòa Bình	Bầu dục	1				8								
	Gân bầu dục					1								
	Rìu ngắn					1								
	Hình chữ nhật					1								
	Gân hình chữ nhật					3								
	Ghè hết một mặt						1							
	Ghè gân hết một mặt										1			
Nhóm mảnh	Công cụ cuội bổ					1								
	Công cụ mảnh					4								
	Công cụ mảnh tách													
	Mảnh tước					3	1							
	Mảnh tách					3								
	Mảnh cuội bổ		1											
Nhóm công cụ chỉ có dấu vết sử dụng	Hòn ghè					1								
	Chày nghiền													1
	Chày nghiền và bàn mài					1								
	Hòn nghiền & bàn mài										1			
	Bàn mài					4								
	Bàn mài bằng									1				
	Bàn mài lõm						1							
	Bàn mài rãnh									1				
	Bàn mài lõm & rãnh						1	1						
	Bàn mài bằng, lõm & rãnh						1	1	1					
	Bàn mài bằng & rãnh							2		1			1	
	Vết mài rãnh & mũi nhọn												1	
	Vết mài cong lõm & mũi nhọn							1		2				
	Vết mài cong lõm & rìa ngang							1						
	Vết mài cong lõm & công cụ mảnh											1		
Nhóm nguyên liệu	Cuội nguyên liệu					45	1							
	Hòn sỏi					1								
	Cuội có vết ghè		1			1	1			2			1	1
	Cuội có vết ghè và bổ					1								
	Cuội có vết chặt bẻ					1								
	Hạch đá					10								1
	Mảnh/cục đá					180								

Sự tương đồng trên cho thấy:

- Không thể tách Đồi Thông ra khỏi bối cảnh các di tích khác cùng thềm sông Lô. Một di tích ngoài trời để lại một số lượng công cụ rất lớn như Đồi Thông thì không thể đơn độc một mình. Nói một cách khác, cư dân ở Đồi Thông và ở các địa điểm khác trong bối cảnh đó chỉ là một nhóm người. Họ chế tác và sử dụng bộ công cụ tương tự nhau, có công cụ ghè đẽo và có bàn mài, chày nghiền, và cũng chưa thấy sản phẩm mài.

- Họ cùng có không gian cư trú và phạm vi di chuyển là dọc tuyến sông Lô, kéo dài ít nhất từ Tuyên Quang lên Hà Giang (Hình 5).



Hình 5. Sơ đồ phân bố di tích thềm sông Lô và sông Gâm ở Hà Giang và Tuyên Quang

(Nguồn: Nguyễn Trường Đông)

Có thể đặt tên cho nhóm cư dân cổ này là người Đồi Thông. Câu hỏi đặt ra: họ xuất hiện ở thềm sông Lô vào khi nào?

3.3. Vấn đề niên đại Đồi Thông

Ở phần trên, chúng tôi đã nêu quan điểm cư dân cổ Đồi Thông bắt đầu đến đây sau mốc 7.000 BP khi nước sông Lô rút và các quả đồi ven sông đã được hình thành và ổn định. Trên cơ sở đó, nhóm cư dân Đồi Thông mới có thể xuất hiện.

Vậy sau mốc 7.000 BP là bao giờ? Là khoảng 6.000 BP hay 5.000 BP? Thời điểm đó chắc chắn không thể diễn ra vào 4.000 BP được, bởi đó là giai đoạn các nhóm cư dân riu cuộc mài toàn thân xuất hiện và cư trú.

Chúng tôi ước đoán niên đại Đồi Thông vào khoảng trên dưới 5.000 năm cách ngày nay thuộc giai đoạn Trung kỳ Đá mới, với các lý do sau:

- Chỉ vào khoảng 5.000 BP, sau khi nước sông rút, địa hình ổn định, các dải đồi ven sông được hình thành thì cư dân cổ mới có thể di cư - di chuyển đến đây sinh sống. Họ không thể cư trú ngoài trời bên thềm sông Lô vào giai đoạn trước đó bởi điều kiện môi trường mưa nhiều và ngập lụt không cho phép. Niên đại tuyệt đối lớp dưới cùng hang Pắc Tà 6.230 ± 255 BP (Nguyễn Quang Miên và cộng sự 2020: 131-134) đã gợi ý vào thời điểm khoảng hơn 6.000 BP, nhóm cư dân Bắc Sơn vẫn lựa chọn sống trong các hang động đá vôi và đó là các hang cao so với bề mặt thung lũng và mặt nước biển như hang cao như Pắc Tà (331m so với mực nước biển) và Nà Chảo (394m so với

mực nước biển). Chỉ khi nước rút họ mới dịch chuyển xuống các hang thấp hơn như Khuổi Nắng (133m so với mực nước biển) và cuối cùng mới chuyển hẳn ra thềm sông Gâm sông (như phát hiện được 5 chiếc rìu mài lưỡi ở di chỉ Pá Van, Na Hang, Tuyên Quang (Trình Năng Chung 2009: 130), hay ra thềm sông Hồng (như phát hiện được 3 rìu mài lưỡi ở di chỉ Phú Lâm và Tuần Quán I ở Yên Bái) (Nguyễn Trường Đông 2020: 113-115; Nguyễn Văn Quang 2006: 64-65).

- Bộ công cụ người Đồi Thông sử dụng được cho là cũng tương tự và cùng trình độ như với công cụ của người văn hóa Bắc Sơn (gồm công cụ ghè đẽo và bàn mài, chày nghiền...), chỉ là chưa thấy dấu Bắc Sơn và các sản phẩm của kỹ thuật mài.

Như vậy, so với ý kiến trước đây xếp Đồi Thông vào giai đoạn Sơ kỳ - Trung kỳ Đá mới (6.000 - 11.000 BP), thì nay Đồi Thông được cho là có tuổi muộn hơn một chút vào khoảng 5.000 BP thuộc Trung kỳ Đá mới.

Với thời gian này, nhóm cư dân Đồi Thông có thể là một nhóm người cổ di chuyển từ khu vực thượng lưu sông Lô xuống, nhưng cũng có thể là người văn hóa Bắc Sơn giai đoạn cuối cùng di chuyển từ khu vực hang động núi đá Bắc Sơn ra. Trong trường hợp này, văn hóa Bắc Sơn có thể kéo dài xuống tận 5.000 BP như đề xuất của Trình Năng Chung (2020).

4. Kết luận

Bài viết tổng hợp các quan điểm về vấn đề niên đại của di chỉ khảo cổ học Đồi Thông sau 35 năm kể từ công bố đầu tiên. Nhận thức về niên đại Đồi Thông đã có sự thay đổi theo thời gian, ban đầu được cho là thuộc giai đoạn Đá cũ (cuối Sơ kỳ - đầu Trung kỳ Đá cũ, hay hậu kỳ Đá cũ), gần đây được cho là thuộc giai đoạn Đá mới (Trung kỳ Đá mới cách ngày nay khoảng 5.000 năm). Tiêu chí để đánh giá niên đại cũng có sự thay đổi mở rộng theo đa hướng đa chiều. Ban đầu tiêu chí chỉ là di vật thu lượm trên bề mặt Đồi Thông, nhưng sau đó mở rộng kết hợp thêm khai quật làm rõ địa tầng, xem xét quá trình thành tạo của địa tầng, chỉnh lý lại bộ sưu tập, điều tra phát hiện thêm các di tích di vật cùng thềm sông, tức là đặt di tích và di vật Đồi Thông trong bối cảnh tự nhiên và các di tích di vật khác xung quanh. Xin được lưu ý, niên đại tương đối nêu trên là quan điểm riêng của tác giả về Đồi Thông dựa theo tiêu chí và nhận thức riêng của tác giả ở thời điểm hiện tại. Nhận thức là một quá trình, chắc chắn quan điểm sẽ có sự thay đổi theo thời gian trong tương lai. Điều đó cũng là bình thường trong khoa học, đều có ý nghĩa khoa học trong hành trình tìm về quá khứ xa xôi của các nhóm người cổ trên đất Hà Giang.

TÀI LIỆU DẪN

- QUANG DŨNG VÀ QUANG VĂN CÂY 1989. Về những di vật khảo cổ tìm thấy ở thị xã Hà Giang (Hà Tuyên). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1989*. Ủy Ban KHXH Việt Nam : 34-36.
- TRƯỜNG VIỆT THẮNG 1990. Những di tích khảo cổ mới phát hiện ở thị xã Hà Giang (Hà Tuyên). Trong *Khảo cổ học, 1-2*, 27-33.
- TRÌNH NĂNG CHUNG, BÙI VINH, QUẢN VĂN HOAN VÀ ÂU VĂN HỢP 1996. Phát hiện thêm một địa điểm đá cũ ở Hà Giang: Đồi điều suy nghĩ. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1995*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội : 58-60.

- BAN TUYỂN GIÁO TỈNH ỦY HÀ GIANG. *Địa chí Hà Giang 2020*. Tỉnh ủy Hà Giang.
- LIU THỊ PHƯƠNG LAN 2011. Độ từ cảm trong trầm tích hang Chồ, Hòa Bình. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2010*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 117-220.
- LIU THỊ PHƯƠNG LAN VÀ ELLWOOD, B. B. 2010. Bước đầu ứng dụng phương pháp từ cảm nghiên cứu cổ khí hậu hang Con Moong. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2009*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 127-132.
- NGUYỄN KHẮC SỬ VÀ TRƯƠNG VIỆT THẮNG 1991. Khảo sát địa điểm đá cũ Đồi Thông (Hà Tuyên). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1990*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 35-38.
- NGUYỄN KHẮC SỬ VÀ TRƯƠNG VIỆT THẮNG 1994. Di chỉ Đồi Thông sau 5 năm nghiên cứu 1989-1993. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1993*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 40-43.
- NGUYỄN KHẮC SỬ, TRẦN NĂNG CHUNG VÀ TRƯƠNG VIỆT THẮNG 1994. Về sưu tập đá cũ 1991 ở địa điểm Đồi Thông (Hà Tuyên). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1993*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 20-22.
- NGUYỄN KHẮC SỬ, TRẦN NĂNG CHUNG, NGUYỄN TRÙNG THƯỜNG, NGUYỄN THỊ TOÁN VÀ ÂU VĂN HỢP 2000. *Hà Giang thời tiền sử*. Sở Văn hóa thông tin tỉnh Hà Giang.
- NGUYỄN QUANG MIÊN, VÀ ÂU VĂN HỢP 2012. Những kết quả đo tuổi ^{14}C di chỉ hang Khuổi Nắng (Hà Giang). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2011*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 111-113.
- NGUYỄN QUANG MIÊN, TRẦN NĂNG CHUNG VÀ VŨ ANH HÙNG 2020. Về những kết quả đo tuổi ^{14}C trong các hang động ở vùng núi Bắc Việt Nam năm 2018. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 131-134.
- NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG 2018. Môi trường miền Bắc Việt Nam cuối Pleistocene đầu Holocene qua những nghiên cứu phấn hoa gần đây. Trong *Khảo cổ học*, số 5: 3-17.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG 2011. Đồi Thông: Tư liệu, nhận thức và vấn đề. Trong *Khảo cổ học*, số 6, 3-11.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG 2017. Sưu tập công cụ ghè đẽo Đồi Thông (Hà Giang). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2016*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 95-98.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG 2016. Tư liệu mới về địa tầng phương thức cư trú của người tiền sử ở Sù Cán Tỷ (Hà Giang). Trong *Khảo cổ học*, số 1: 3-10.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG 2020. Phát hiện sưu tập công cụ đá rìu mài lưỡi ở di chỉ Phú Lâm bên bờ sông Hồng Yên Bái. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 113-115.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG 2023. Các nhóm cư dân cổ thềm sông Miện và sông Lô Hà Giang. Trong *Khảo cổ học*, số 4: 3-18.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG VÀ ĐẶNG VĂN BẮC 2022. Phát hiện di tích thềm sông Lô huyện Vị Xuyên, Hà Giang. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2021*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 143-145.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG VÀ NGUYỄN QUANG BÁCH 2022. Điều tra khảo cổ học thềm sông Lô huyện Bắc Quang, Hà Giang Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2021*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 140-143.

- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG VÀ NGUYỄN QUẢNG DŨNG 2020. Điều tra phát hiện 9 địa điểm khảo cổ học thời đại đá dọc sông Lô (Tuyên Quang). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội: 110-112.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG, LÊ HẢI ĐĂNG, PHẠM THANH SƠN VÀ TRẦN TRUNG QUAN 2016. Thăm sát Đồi Thông (Hà Giang). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2015*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 68-70.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG, PHẠM THANH SƠN, DƯƠNG THANH HƯƠNG, PHẠM QUANG BÁCH VÀ PHẠM VĂN LẬP 2015. Khai quật di chỉ Sủa Cán Tỷ, xã Cán Tỷ, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang. Trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2014*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 47-50.
- NGUYỄN VĂN QUANG 2004. *Tiền sử và sơ sử Yên Bái*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- NGUYỄN VĂN QUANG 2006. Những công cụ ghè mài lưỡi đầu tiên ở Yên Bái. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2005*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 64-65.
- TRÌNH NĂNG CHUNG 2009. *Tiền sử và sơ sử Tuyên Quang*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- TRÌNH NĂNG CHUNG (CHỦ BIÊN) 2020. *Văn hóa Hòa Bình văn hóa Bắc Sơn ở miền núi Đông bắc Việt Nam qua tư liệu khảo cổ học từ năm 2000-2015*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- TRƯƠNG VIỆT THẮNG 1990. Phát hiện khảo cổ học ở phường Trần Phú Thị xã Hà Giang - Hà Tuyên. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1989*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 33-34.
- VÕ QUÝ VÀ BUI VINH 1990. Suy nghĩ về công cụ cuội ở Hà Giang (Hà Tuyên). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1989*. Ủy ban Khoa học xã hội, Hà Nội: 36-38.

THE ĐỒI THÔNG CHRONOLOGY (HÀ GIANG): DATAS AND NEW UNDERSTANDING

NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG

The paper summarizes the viewpoints on dates from Doi Thong archaeological site after 35 years since its first publication. The perception of Doi Thong dates has been changing through time from the Paleolithic (the late Early - early Middle Paleolithic, or the late Paleolithic) in the beginning to supposedly the Neolithic (the Middle Neolithic, approximately 5000 BP). The criteria for determining dates have also been changed and expanded in a multi-directional direction. The criterion was initially referred to only artefacts collected on the land surface of Doi Thong, then was expanded to the combination of excavation exposing its stratigraphy, studying the process of its stratigraphical formation, classifying the artefact collection, surveying along the same river for more artefacts, that is, Doi Thong and its remains have been reviewed in the similar context of the natural condition and other archaeological sites. The article has scientifically contributed to the journey to the deep past of the ancient people on the land of Ha Giang.